

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Bình

Bà Phạm Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5-Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T4; địa chỉ: Tòa nhà T, số E L, phường C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tuấn T- Chức vụ: Quyền Giám đốc Trung tâm X- Khôi Pháp chế và Xử lý nợ KHDN- T5 (Theo Giấy ủy quyền số 04/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N (Giấy ủy quyền số 85-2/2025/GUQ-TPB.LC ngày 18/02/2025); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hồng T1, sinh năm 1986 và bà Đồng Thị Thu T2, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Tổ B, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (này là tổ A phường A, thành phố Hải Phòng); đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn (Ngân hàng Thương mại cổ phần T6 - T5) trình bày:

1. Ngày 30/10/2019 ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 đã ký Hợp đồng tín dụng vay vốn tại T5 theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng

- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 155/2019/HĐMB-CNTT/PEUGEOT giữa Chi nhánh T7- Công ty Cổ phần Ô và ông Phạm Hồng T1 ngày 15/10/2019

- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 31/10/2019 đến ngày 31/10/2026

- Lãi suất cho vay (còn gọi là lãi suất cho vay trong hạn):

Giai đoạn 1: Lãi suất áp dụng kể từ ngày 01/11/2019 cho đến ngày 31/10/2020 là: 9,9%/năm;

Giai đoạn 2: Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 31/10/2026: Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng của T5 dành cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,8%/năm.

Kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần

2. Ngày 27/11/2019 ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 đã vay vốn tại T5 theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T5 kèm Hợp đồng sử dụng thẻ, T5 đồng ý cấp Thẻ tín dụng cho ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2, cụ thể như sau:

Hạn mức thẻ tín dụng T5; hạng C là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), Số tiền giải ngân: Khách hàng đã sử dụng/tiêu dùng toàn bộ hạn mức được cấp.

Để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ trên, ông T1 và bà T2 đã thế chấp cho T5 tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019, là: 01 xe ô tô con 07 chỗ ngồi, màu trắng đã qua sử dụng, nhãn hiệu PEUGEOT, số loại 5008, số máy: 6210UF015G02, số khung: 5UA6KC114148, BKS 15A-534.64 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093287 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố H cấp ngày 30/10/2019 đứng tên Phạm Hồng T1.

Trong quá trình trả nợ: Đối với Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019, ông T1 và bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ cho T5 và bắt đầu phát sinh quá hạn kể từ

ngày 26/11/2022. T5 đã làm việc, gửi thông báo và tạo điều kiện cho ông T1 và bà T2 thanh toán nợ nhưng T5 không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông T1 và bà T2. Sự vi phạm nghĩa vụ của ông T1 và bà T2 như trên đã ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của T5.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến thời điểm hiện tại, ông T1 và bà T2 đã thanh toán cho T5 tổng số tiền: 703.795.677 đồng, trong đó: Nợ gốc: 428.571.433 đồng và nợ lãi: 275.224.244 đồng

Số tiền còn lại của hai Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 1.006.843.575 đồng, trong đó bao gồm:

+ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019 được ký kết giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2 với số tiền:

- Nợ gốc: 571.428.567 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 152.539.869 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 117.446.678 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 26.882.708 đồng

Tổng nợ xe ô tô: 868.297.822 đồng

+ Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T5 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 4665821080281469 ngày 27/11/2019 giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2, sau khi được cấp tín dụng thẻ ông T1 và bà T2 đã thực hiện các giao dịch với số tiền là: 69.311.498 đồng, tính đến ngày 30/9/2025 ông T1, bà T2 còn nợ với số tiền:

- Nợ gốc là: 69.311.498 đồng;
- Nợ lãi là: 69.234.255 đồng.

Tổng nợ thẻ tín dụng: 138.545.753 đồng.

Đề nghị Toà án buộc ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 thanh toán ngay cho T5 tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 1.006.843.575 đồng; ông T1 và bà T2 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 01/10/2025 đến ngày ông T1 và bà T2 thanh toán hết các nghĩa vụ cho T5

Nay ngân hàng chỉ yêu cầu Toà án buộc ông T1 và bà T2 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trên tổng số tiền chưa thanh toán của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô kể từ ngày 01/10/2025 đến ngày ông T1 và bà T2 thanh toán hết các nghĩa vụ cho T5.

Ngân hàng xin rút lại 1 phần yêu cầu về số tiền lãi đối với thẻ tín dụng, ngân hàng không yêu cầu ông T1 và bà T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền

nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/10/2025, ngân hàng chỉ yêu cầu ông T1 và bà T2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi của thẻ tín dụng đến hết ngày 30/9/2025 là 138.545.753 đồng.

Ông T1 và bà T2 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Về tài sản bảo đảm: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai T5 đã yêu cầu Tòa án: Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà ông T1 và bà T2 không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T5, T5 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản sau đây để thu hồi nợ cho T5: *01 xe ô tô con 07 chỗ ngồi, màu trắng đã qua sử dụng, nhãn hiệu PEUGEOT, số loại 5008, số máy: 6210UF015G02, số khung: 5UA6KC114148, BKS 15A-534.64 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093287 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố H cấp ngày 30/10/2019 đứng tên Phạm Hồng T1.*

Ngày 15/7/2025 T5 đã có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản bảo đảm là: *“01 xe ô tô con 07 chỗ ngồi, màu trắng đã qua sử dụng, nhãn hiệu PEUGEOT, số loại 5008, số máy: 6210UF015G02, số khung: 5UA6KC114148, BKS 15A-534.64 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093287 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố H cấp ngày 30/10/2019 đứng tên Phạm Hồng T1”*; nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án buộc các bị đơn chịu án phí dân sự theo quy định.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho ông T1, bà T2 theo quy định pháp luật nhưng cả hai đều vắng mặt.

Tại Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 16/7/2025, Công an phường A (trước là công an phường V, quận L), thành phố Hải Phòng cung cấp như sau: Ông Phạm Hồng T1, sinh năm 1986 và bà Đồng Thị Thu T2, sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B phường A (nay là tổ A) thành phố Hải Phòng (trước là tổ B phường V, quận L, thành phố Hải Phòng); ông T1 và bà T2 vắng mặt tại địa phương từ năm 2023. Gia đình ông T1 (bố mẹ ông T1) đã bán nhà đi khỏi địa phương đến nay không rõ địa chỉ ở đâu.

Tại văn bản số 873/PA08(Đ1) ngày 01/8/2025 của Phòng Q Công an thành phố H cung cấp: Từ năm 2010 đến nay đương sự thường xuyên xuất nhập cảnh ra nước ngoài. Lần gần nhất, ngày 06/12/2019 đương sự nhập cảnh về Việt Nam qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1 bài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên

đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; các bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025 (Luật số 85/2025/QH15); Căn cứ Điều 116, 117, 119, 280, 335, 336, 342, 351, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 100, 102, 103, 107 của Luật các tổ chức tín dụng 2024 ; Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Đề nghị xử:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T4 về việc: “Không yêu cầu xem xét xử lý tài sản bảo đảm; không yêu cầu ông T1 và bà T2 phải thanh toán tiền lãi của thẻ tín dụng kể từ sau ngày 30/9/2025” do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 số tiền còn lại của hai Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 1.006.843.575 đồng, trong đó: Hợp đồng cho vay kiêm thẻ chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019 được ký kết giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2 với số tiền 868.297.822 đồng (trong đó nợ gốc: 571.428.567 đồng; nợ lãi trong hạn: 152.539.869 đồng; nợ lãi quá hạn: 117.446.678 đồng; nợ lãi chậm trả: 26.882.708 đồng). Tổng nợ thẻ tín dụng: 138.545.753 đồng (trong đó nợ gốc là: 69.311.498 đồng; nợ lãi là: 69.234.255 đồng).

Ông T1 và bà T2 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/10/2025 cho đến ngày ông T1 và bà T2 thanh toán hết các nghĩa vụ cho T5; ông T1 và bà T2 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Về án phí: Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T6 (T5) khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2; cùng địa chỉ: Tổ B, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (nay là tổ A phường A, thành phố Hải Phòng). Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025 (Luật số 85/2025/QH15); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa ông T1 và bà T2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do (ngay cả trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết ông T1 và bà T2 đều vắng mặt) các văn bản Tòa án giao cho ông T1, bà T2 đúng quy định pháp luật; qua đó cho thấy các bị đơn đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình cũng như việc các bị đơn cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú mới. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về việc ngày 15/7/2025 T5 có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc xử lý tài sản bảo đảm, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; tại phiên tòa đại diện ngân hàng có ý kiến xin rút một phần yêu cầu: Không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về việc buộc ông T1, bà T2 phải thanh toán tiền lãi của số tiền nợ gốc, nợ lãi của thẻ tín dụng kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ của thẻ tín dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét việc yêu cầu rút 1 phần trong yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[4] Hai bên ký kết các Hợp đồng tín dụng năm 2019; căn cứ Điều 209 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024; nên áp dụng Luật số 32/2024/QH15 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

[5] Xét Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019 và Văn bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 27/11/2019 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 với bên vay là ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 đã có sự thống nhất với nhau bằng văn bản về số tiền cho vay, mục đích cho vay, phương thức cho vay, loại thẻ sử dụng, hạn mức thẻ, hiệu lực thẻ, phương thức giải ngân, phương thức trả nợ, lãi suất vay, quyền và nghĩa vụ giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 116, 117, 119, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 99, 100, 102, 107 Luật các Tổ chức tín dụng nên các văn bản được ký kết

giữa hai bên nói trên là hợp pháp. Theo nội dung các văn bản đã ký kết, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là giải ngân đúng số tiền, đúng thời gian theo Hợp đồng tín dụng cho ông T1, bà T2; cấp thẻ cho ông T1, bà T2 sử dụng đúng loại thẻ, đúng hạn mức tín dụng; về phía các bị đơn đã nhận đủ số tiền do Ngân hàng giải ngân, nhận thẻ tín dụng để sử dụng trong quá trình thực hiện các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phát sinh nợ quá hạn kể từ kỳ trả nợ ngày 26/11/2022; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện và yêu cầu các bị đơn thanh toán không được và ngày 14/6/2023 ngân hàng đã thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn và yêu cầu thanh toán toàn bộ khoản nợ trước ngày 22/6/2023, việc này phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng; như vậy, ông T1 và bà T2 đã vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 yêu cầu các bị đơn phải trả Ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 1.006.843.575 đồng, trong đó bao gồm:

+ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019 được ký kết giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2 với số tiền:

- Nợ gốc: 571.428.567 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 152.539.869 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 117.446.678 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 26.882.708 đồng

+ Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T5 kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 4665821080281469 ngày 27/11/2019 giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2, sau khi được cấp tín dụng thẻ ông T1 và bà T2 đã thực hiện các giao dịch với số tiền là: 69.311.498 đồng, tính đến ngày 30/9/2025 ông T1, bà T2 nợ với số tiền:

- Nợ gốc là: 69.311.498 đồng;
- Nợ lãi là: 69.234.255 đồng.

Ông T1 và bà T2 tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019 giữa hai bên đã ký kết tính từ ngày 01/10/2025 cho đến ngày trả hết khoản nợ gốc là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, cần được chấp nhận.

- Về án phí:

[6] Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Phạm Hồng T1 và bà Đỗ Thị Thu T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025 (Luật số 85/2025/QH15);

Căn cứ Điều 116, 117, 119, 280, 335, 336, 342, 351, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 99, 100, 102, 103, 107 và 209 của Luật các tổ chức tín dụng 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội Đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q1;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 về việc: “Không yêu cầu xem xét xử lý tài sản bảo đảm; không yêu cầu ông T1 và bà T3 phải thanh toán tiền lãi của thẻ tín dụng kể từ sau ngày 30/9/2025”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T4:

Buộc ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 số tiền tính đến ngày 30/9/2025 là 1.006.843.575đ (một tỷ, sáu triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó bao gồm:

+ Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 248/2019/HDTD/TTKD.OTO.HN.TTI/01 ngày 30/10/2019 được ký kết giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2 với số tiền:

- Nợ gốc: 571.428.567 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 152.539.869 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 117.446.678 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 26.882.708 đồng

+ Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T5 kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 4665821080281469 ngày 27/11/2019 giữa ngân hàng với ông T1 và bà T2, sau khi được cấp tín dụng thẻ ông T1 và bà T2 đã thực hiện các giao dịch với số tiền là: 69.311.498 đồng, tính đến ngày 30/9/2025 ông T1, bà T2 nợ với số tiền:

- Nợ gốc là: 69.311.498 đồng;

- Nợ lãi là: 69.234.255 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2025 là tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông T1 và bà T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng “Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô” giữa hai bên đã ký kết cho đến ngày trả hết khoản nợ gốc nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.082.614 đồng (hai mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm mười bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003647 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Hải Phòng).

Ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 phải chịu 42.205.307,25đ (làm tròn 42.205.000đ – bốn mươi hai triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Hồng T1 và bà Đồng Thị Thu T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5-Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc